UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 970/QĐ-ĐHTT ngày 04 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào)

Tên chương trình:	Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành Tourism and Travel Services Management
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành
Chuyên ngành	Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành
Mã ngành:	7810103
Hình thức đào tạo:	Đại học chính quy

Năm 2026

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 970/QĐ-ĐHTT ngày 04/08/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào)

Tên chương trình: Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành
Tourism and Travel Services Management

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành

Mã số: 7810103

Hình thức đào tạo: Đại học chính quy

1. Mục tiêu chương trình đào tạo (PO)

Sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, trường Đại học Tân Trào, người học sẽ:

TT	Mục tiêu chương trình đào tạo
PO1	Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân và năng lực thực hiện trách nhiệm xã hội trong học tập, nghề nghiệp và cuộc sống.
PO2	Vận dụng kiến thức nền tảng, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành về du lịch, lữ hành để giải quyết các vấn đề trong học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.
PO3	Thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn, bao gồm: thiết kế, tổ chức, điều hành và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ du lịch, giao tiếp và phục vụ khách hàng hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp.
PO4	Có khả năng ứng dụng công nghệ, ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp; phát triển tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp và nâng cao năng lực nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Sinh viên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành khi tốt nghiệp sẽ có các năng lực sau:

NHÓM NĂNG LỰC	PLO
KIẾN THỨC	PLO 1: Vận dụng kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng và giáo dục thể chất để thực hiện trách nhiệm công dân trong học tập, rèn luyện và hoạt động nghề nghiệp.
	PLO 2: Vận dụng kiến thức nền tảng về văn hóa, lịch sử, địa lý và tài nguyên du lịch Việt Nam để phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động du lịch và dịch vụ.
	PLO3: Vận dụng kiến thức về pháp lý, kinh tế và quản trị trong lĩnh vực du lịch để phân tích và tổ chức các hoạt động kinh doanh du lịch và dịch vụ.
KỸ NĂNG	PLO 4: Thiết kế, tổ chức, hướng dẫn, điều hành và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ du lịch đáp ứng nhu cầu của khách hàng và yêu cầu của doanh nghiệp.
	PLO5: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống và xây dựng mối quan hệ nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng của khách hàng trong môi trường đa văn hóa.
	PLO 6: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng về ngoại ngữ (bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương), năng lực số và trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trên cơ sở tư duy khoa học trong học tập và thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số
MỨC ĐỘ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM	PLO7: Thể hiện tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và phong cách làm việc chuyên nghiệp để thích ứng với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp.
	PLO8: Thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và năng lực làm việc độc lập hoặc theo nhóm; chủ động thích ứng với môi trường làm việc và chịu trách nhiệm đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ.

3. Ma trận liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mục tiêu CTĐT (PO)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)
1	PO 1	PLO 1: Vận dụng kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng và giáo dục thể chất để thực hiện trách nhiệm công dân trong học tập, rèn luyện và hoạt động nghề nghiệp.
		PLO8: Thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và năng lực làm việc độc lập hoặc theo nhóm; chủ động thích ứng với môi trường

		làm việc và chịu trách nhiệm đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ.
2	PO 2	PLO 2: Vận dụng kiến thức nền tảng về văn hóa, lịch sử, địa lý và tài nguyên du lịch Việt Nam để phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động du lịch và dịch vụ.
		PLO3: Vận dụng kiến thức về pháp lý, kinh tế và quản trị trong lĩnh vực du lịch để phân tích và tổ chức các hoạt động kinh doanh du lịch và dịch vụ.
3	PO 3	PLO 4: Thiết kế, tổ chức, hướng dẫn, điều hành và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ du lịch đáp ứng nhu cầu của khách hàng và yêu cầu của doanh nghiệp.
		PLO5: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống và xây dựng mối quan hệ nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng của khách hàng.
4	PO 4	PLO 6: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng về ngoại ngữ (bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương), năng lực số và trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trên cơ sở tư duy khoa học trong học tập và thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số
		PLO7: Thể hiện tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và phong cách làm việc chuyên nghiệp để thích ứng với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp.

4. Vị trí việc làm và cơ hội học lên trình độ cao hơn

4.1. Sinh viên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành tốt nghiệp đảm nhận làm việc tại các vị trí sau:

- Nhân viên/Chuyên viên thiết kế, điều hành tour, PR, truyền thông, marketing trong lĩnh vực du lịch, quản lý tại các bộ phận trong doanh nghiệp du lịch.

- Hướng dẫn viên du lịch nội địa và quốc tế

- Chuyên viên tại các Sở, Ban, Ngành về du lịch, các hiệp hội, trung tâm xúc tiến du lịch.

- Giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về lĩnh vực du lịch (khi đáp ứng được các điều kiện theo quy định)

- Khởi nghiệp, thành lập và quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ.

4.2. Cơ hội học lên trình độ cao hơn

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, trình độ đại học có khả năng tiếp tục học tập ở các bậc trình độ cao hơn nhằm nâng cao chuyên môn và phát triển nghề nghiệp lâu dài.

- Tham gia các chương trình đào tạo sau đại học về quản trị kinh doanh, marketing, quản trị dịch vụ, kinh tế du lịch, nhằm mở rộng năng lực quản lý và điều hành trong môi trường doanh nghiệp du lịch.

- Nghiên cứu và học tập nâng cao trong các lĩnh vực liên ngành như văn hóa - du lịch, phát triển du lịch cộng đồng, quản lý tài nguyên du lịch và phát triển bền vững, phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy hoặc hoạch định chính sách.

- Có khả năng tiếp cận các chương trình đào tạo nâng cao ở trong nước và quốc tế, nâng cao năng lực học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu hội nhập của ngành du lịch.

5. Khung chương trình đào tạo và ma trận chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ		Ma trận tương quan giữa h□c phần và CĐR (PLO)								TỔNG MỨC ĐỘ			
				Lý thuyết	Thực hành	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	I		M	A
A	**GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**		**33**														
A1		**Lý luận chính trị**	**13**														
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác Lênin	3	45	0	I								1	0	0	0
2	LL2.1.041.2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	30	0	R								0	1	0	0
3	LL2.1 042.2	Chủ nghĩa□xã hội khoa học	2	30	0	R								0	1	0	0
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22.5	15	M,A								0	0	1	1
5	LL2.1.04 .	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0	M,A								0	0	1	1
6	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	30	0	M,A								0	0	1	1
A2		**Tiếng Anh**	**9**														
7	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	30	30						I			1	0	0	0
8	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	30	30						R			0	1	0	0
9	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	22.5	45						M,A			0	0	1	1
A3		**Tin học**	**2**	5	30												
10	TI2.1.501.2	Nhập môn công nghệ số, tin học và	2	15	30						M,A			1	0	0	0

		ứng dụng AI.															
A4		**Nghiên cứu khoa học**	**3**														
11	NCKH.01.001.3	Nghiên cứu khoa học	3	22,5	45						R			1	0	0	0
A5		**Khởi nghiệp**	**2**														
12	KT2.1.191.2	Khởi nghiệp	2	15	30						M,A			0	0	1	1
A6	**Khoa học tự xã hội**																
	Bắt buộc		**4**														
13	VD2.1.130.2	Lịch sử văn minh thế giới	2	15	30		I							1	0	0	0
Tự chọn (Chọn 2 trong 6 tín chỉ)			**2**														
14	KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương	2	15	30			I						1	0	0	0
1	LL2.1.015.2	Khoa học quản lí đại cương	2	15	30						I			1	0	0	0
16	TL2.1.001.2	Tâm lí học đại cương	2	5	30					I				1	0	0	0
B	**GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH)**		**97**														
B1	**Kiến thức cơ sở ngành**		**21**														
	Bắt buộc		**19**														
17	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	15	4		I							1	0	0	0
18	KT2.1.077.2	Đại cương về quản trị kinh doanh	2	15	30							I		1	0	0	0
19	VD2.1.257.3	Nhập môn du lịch	3	15	60				I				I	2	0	0	0
20	VD2.1.068.2	Tiến trình lịch sử	2	15	30		R							0	1	0	0

		Việt Nam															
21	TL2.1.410.2	Tâm lý học du lịch	2	15	30					R				0	1	0	0
22	TN2.1.516.2	Ứng dụng CNTT trong Văn hoá - Du lịch	2	15	30						R			0	1	0	0
23	VD2.1. 3 .3	Phong tục tập quán, tín ngưỡng và lễ hội VN	3	15	60		R							0	1	0	0
24	VD2.1.125.3	Di tích Lịch sử - Văn hóa và danh□thắn VN	3	15	60		M							0	0	1	0
	Tự chọn (Chọn 2 trong 6 tín chỉ)		**2**														
25	VD2.1.223.2	Tổ chức hoạt náo	2	15	30					R				0	1	0	0
26	VD2.1.209.2	Thực tế cơ sở ngành	2		90								R	0	1	0	0
27	KT2.1 114.2	Quản trị □ăn phòng đại cương	2	15	30								R	0	1	0	0
B2	**Kiến thức ngành**		**26**														
	Bắt buộc		**22**														
28	VD21.124.2	Luật Du lịch	2	15	30			R					R	0	2	0	0
29	TL2.1.439.3	Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	3	15	60					M,A				0	0	1	1
30	KT2.1.111.3	Kinh tế du lịch	3	15	60			R						0	1	0	0
31	VD2.1.005.3	Văn hóa du lịch	3	1	0		M,A			M				0	0	2	1
32	KT2.1.112.3	Marketing du lịch	3	15	60			M				R		0	1	1	0
33	VD2.1.210.2	Địa l□ du lịch thế giới	2	15	30		R							0	1	0	0
34	VD2.1.219.3	Địa lí du lịch Việt Nam	3	15	60		R							0	1	0	0

35	VD2.1.071.3	Quan hệ c ng chúng	3	15	60					M,A				0	0	1	1
	Tự chọn (Chọn 4 trong 12 tín chỉ)		**4**														
6	VD2.1.21 .2	Văn hóa ẩm thực	2	15	30		R							0	1	0	0
37	VD2.1.208.2	Xây dựng sản phẩm du lịch	2	15	45				R					0	1	0	0
38	VD2.1.137 2	Du lịch bền vững	2	15	30								R	0	1	0	0
39	VD2.1.077.2	Nhiếp ảnh	2	15	30				R					0	1	0	0
40	VD2.1.259.2	Thanh nhạc thực hành	2	15	30					R				0	1	0	0
41	KT2.1.113.2	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	15	30			R						0	1	0	0
B	**Chuyên ngành:** ***Chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành***		**36**														
Bắt buộc			**24**														
42	NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	3	15	60						M			0	0	1	0
43	VD2.1.212.3	Quản trị cơ sở lưu trú du lịc	3	15	60			M,A						0	0	1	1
44	VD2.1.031.3	Tổ chức sự kiện	3	15	60					M,A				0	0	1	1
45	VD2.1.016 3	Nghiệp vụ lữ hành	3	15	60				M,A					0	0	1	1
46	VD2.1.017.3	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	15	60				M,A					0	0	1	1
47	VD2.1.237.3	Quản lý điểm đến du lịch	3	15	60			M,A						0	0	1	1
48	VD2.1.015.3	Điểm tuyến du lịch Việt Nam	3	15	90		M,A							0	0	1	1
49	KT2.1.117.3	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	15	60			M,A						0	0	1	1

Tự chọn (Chọn 12 trong 24 tín chỉ)			**12**														
50	VD2.1.214.3	Du lịch sinh thái	3	15	90				M					0	0	1	0
51	VD2.1.215.3	Du lịch văn h a		15	90				M					0	0	1	0
52	VD2.1.218.3	Du lịch cộng đồng	3	15	90								M	0	0	1	0
53	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc		5	90		M							0	0	1	0
54	VD2.1.229.3	Văn hóa và kiến trúc	3	15	75		M							0	0	1	0
55	VD2.1.238.3	Quản tr□ du lịch MICE	3	15	90			M						0	0	1	0
56	VD2.1.211.3	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng - khách sạn	3	15	60					M				0	0	1	0
57	VD2.1.220.3	Quản □rị nguồn nhân lực khách sạn	3	15	60			M						0	0	1	0
C	**THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP**																
C1	**Thực tập tổng hợp**		**4**														
58	VD2.1.038.4	Thực tập 1 (thực tập tổng hợp)	4		200				M,A				M,A	0	0	2	2
C2	**Thực tập tốt nghiệp**		**4**														
59	VD2.1.258.4	Thực tập 2 (thực tập tốt nghiệp	4		200							M,A	M,A	0	0	2	2
C3	**Học□phần thay thế KLTN**		**6**														
60	VD2.1.222.3	Quy hoạch du lịch	3	15	60		M,A					M,A		0	0	2	2
61	VD2.1.224.3	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	15	60							M,A	M,A	0	0	2	2

C4	**Khóa luận tốt nghiệp**		**6**														
62	VD2. .043.6	Khóa luận tốt nghiệp	6		300							M,A	M,A	0	0	2	2
D	**GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ GIÁO DỤC QP-AN**																
D1		**Giáo dục thể hất**				I								1	0	0	0
D2		**Giáo dục Quốc phòng - An ninh**				R								0	1	0	0
TỔNG SỐ TC VÀ□SỐ GIỜ TC			**130**														
TỔNG SỐ PLO (Theo chiều ngang)					**I**	**2**	**2**	**1**	**1**	**1**	**2**	**1**	**1**	**13**			
					R	**3**	**5**	**3**	**2**	**3**	**2**	**1**	**4**		**23**		
					M	**3**	**6**	**6**	**5**	**5**	**4**	**4**				**37**	
					A	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**4**	**4**				**26**

6. Thời gian đào tạo: 04 năm

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 33 tín chỉ;

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (cơ sở ngành và cốt lõi ngành): 97 tín chỉ, gồm:

+ Kiến thức cơ sở ngành: 21 tín chỉ;

+ Kiến thức ngành: 26 tín chỉ;

+ Kiến thức chuyên ngành: 36 tín chỉ;

- Kiến thức thực tập và tốt nghiệp: 14 tín chỉ, gồm:

+ Thực tập: 08 tín chỉ;

+ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế KLTN: 06 tín chỉ.

8. Tiêu chí tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo phương án tuyển sinh riêng của Trường Đại học Tân Trào được phê duyệt.

9. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Tân Trào.

10. Cấu trúc, thời lượng chương trình đào tạo

10.1. Danh sách các học phần trong chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ			Số giờ							HP điều kiện tiên quyết	HP học trước
			LT	TH	Tổng	LT	Thực hành			Khóa luận tốt nghiệp	Tự học	Tổng		
							Thực hành trong/ngoài trường, cinema	Thực tế	Thực tập, rèn nghề					
TỔNG														
A		**GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**			**33**									
A1		**Lý luận chính trị**			**11**									
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác Lênin	3		3	45					105	150		
2	LL2.1.041.2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2		2	30					70	100	LL2.1.040.3	
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2	30					70	100	LL2.1.041.2	
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1,5	0,5	2	22,5	15				62,5	100	LL2.1.042.2	
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2		2	30	0				70	100	LL2.1.043.2	
6	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	1,5	0,5	2	22,5	15				62,5	100	LL2.1.040.3	LL2.1.007.2

A2		**Tiếng Anh**			**9**									
7	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	2	1	3	30	30				90	150		
8	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	2	1	3	30	30				90	150	T. Anh 1	
9	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	1,5	1,5	3	22,5	45				82,5	150	T. Anh 2	
A3		**Tin học**			**2**									
10	TI2.1.501.2	Nhập môn công nghệ số, tín học và ứng dụng AI			2	15	30				55	100		
A4		**Nghiên cứu khoa học**			**3**									
11	NCKH.01.001.3	Nghiên cứu khoa học	2	1	3	22,5	45				82,5	150		
A5		**Khởi nghiệp**			**2**									
12	KT2.1.191.2	Khởi nghiệp	1	1	2	15	30				55	100		
A6		**Khoa học tự nhiên xã hội**			**4**									
	Bắt buộc													
13	VD2.1.130.2	Lịch sử văn minh thế giới	1	1	2	15	30				55	100		
	Tự chọn 2 trong 6 tín chỉ										53,5	100		
14	KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương	1	1	2	15	30				55	100		
15	LL2.1.015.2	Khoa học quản lí đại cương	1	1	2	15	30				55	100		

16	TL2.1.001.2	Tâm lí học đại cương	1	1	2	15	30				55	100		
GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH)					**97**									
B1	**Kiến thức cơ sở ngành**				**21**									
	Bắt buộc													
17	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1	1	2	15		45			40	100		
18	KT2.1.077.2	Đại cương về quản trị kinh doanh	1	1	2	15	30				55	100		
19	VD2.1.257.3	Nhập môn du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
20	VD2.1.068.2	Tiến trình lịch sử Việt Nam	1	1	2	15	30				55	100		
21	TL2.1.410.2	Tâm lý học du lịch	1	1	2	15	30				55	100		
22	TN2.1.516.2	Ứng dụng CNTT trong Văn hoá - Du lịch	1	1	2	15	30				55	100	TN2.1.040.3	
23	VD2.1.007.3	Phong tục tập quán, tín ngưỡng và lễ hội VN	1	2	3	15	60				75	150		
24	VD2.1.125.3	Di tích Lịch sử - Văn hóa và danh thắng VN	1	2	3	15	60				75	150	VD2.1.068.2	

	Tự chọn (Chọn 2 trong 6 tín chỉ)										55	100		
25	VD2.1.223.2	Tổ chức hoạt náo	1	1	2	15	30				55	100		
26	VD2.1.209.2	Thực tế cơ sở ngành	0	2	2			90			10	100		
27	KT2.1.114.2	Quản trị văn phòng đại cương	1	1	2	15	30				55	100		
B2	**Kiến thức ngành**					**26**								
	Bắt buộc													
28	VD21.124.2	Luật Du lịch	1	1	2	15	30				55	100		
29	TL2.1.439.3	Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
30	KT2.1.111.3	Kinh tế du lịch	1	2	3	15	60				75	150	KT2.1.079.2	
31	VD2.1.005.3	Văn hóa du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
32	KT2.1.112.3	Marketing du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
33	VD2.1.210.2	Địa lý du lịch thế giới	1	1	2	15	30				55	100		
34	VD2.1.219.3	Địa lí du lịch Việt Nam	1	2	3	15	60				75	150		
35	VD2.1.071.3	Quan hệ công chúng	1	2	3	15	60				75	150		
	Tự chọn (Chọn 4 trong 12 tín chỉ)													
36	VD2.1.216.2	Văn hóa ẩm thực	1	1	2	15	30				55	100		

37	VD2.1.208.2	Xây dựng sản phẩm du lịch	1	1	2	15		45			40	100		
38	VD2.1.137.2	Du lịch bền vững	1	1	2	15	30				55	100		
39	VD2.1.077.2	Nhiếp ảnh	1	1	2	15	30				55	100		
40	VD2.1.259.2	Thanh nhạc thực hành	1	1	2	15	30				55	100		
41	KT2.1.113.2	Thanh toán quốc tế trong du lịch	1	1	2	15	30				55	100		
B3	**Kiến thức chuyên ngành: Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành**				**36**									
	Bắt buộc													
42	NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	1	2	3	15	60				75	150		Tiếng anh 3
43	VD2.1.212.3	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
44	VD2.1.031.3	Tổ chức sự kiện	1	2	3	15	60				75	150		
45	VD2.1.016.3	Nghiệp vụ lữ hành	1	2	3	15	60				75	150		
46	VD2.1.017.3	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	1	2	3	15	60				75	150	VD2.1.016.3	
47	VD2.1.237.3	Quản lý điểm đến du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
48	VD2.1.015.3	Điểm tuyến du lịch Việt	1	2	3	15		90			45	150	VD2.1.126.2	

		Nam												
49	KT2.1.117.3	Quản trị kinh doanh lữ hành	1	2	3	15	60				75	150		
	Tự chọn (Chọn 12 trong 24 tín chỉ)													
50	VD2.1.214.3	Du lịch sinh thái	1	2	3	15		90			45	150		
51	VD2.1.215.3	Du lịch văn hóa	1	2	3	15		90			45	150		
52	VD2.1.218.3	Du lịch cộng đồng	1	2	3	15		90			45	150		
53	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	1	2	3	15		90			45	150		
54	VD2.1.229.3	Văn hóa và kiến trúc	1	2	3	15	30	45			60	150		
55	VD2.1.238.3	Quản trị du lịch MICE	1	2	3	15		90			45	150		
56	VD2.1.211.3	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng - khách sạn	1	2	3	15	60				75	150		
57	VD2.1.220.3	Quản trị nguồn nhân lực khách sạn	1	2	3	15	60				75	150		
	THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP				**14**									
C1	**Thực tập tổng hợp**													
58	VD2.1.038.4	Thực tập 1 (thực tập tổng hợp)		**4**	**4**				200			200		

C2	**Thực tập tốt nghiệp**													
59	VD2.1.258.4	Thực tập 2 (thực tập tốt nghiệp)		**4**	**4**				200			200	VD2.1.138.4	
C3	**Học phần thay thế KLTN**													
60	VD2.1.222.3	Quy hoạch du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
61	VD2.1.224.3	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
C4	**Khóa luận tốt nghiệp**				**6**									
62	VD2.1.043.6	Khóa luận tốt nghiệp		**6**	**6**					300		300		

10.2. Danh sách học phần điều kiện tốt nghiệp (không tính vào điểm TBC tích lũy)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số giờ tín chỉ			HP điều kiện tiên quyết	Ghi chú
			Tổng	LT	BT/Thực hành		
D	**GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ GIÁO DỤC QP-AN**						
D1		**Giáo dục thể chất**					
1	TC2.1.024.2	Giáo dục thể chất 1	2	2	28		
		Tự chọn nhóm 1 *(1* x *3 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:*					
2	TC2.1.022.3	GD Thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4	41		
3	TC2.1.023.3	GD Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	3	42		
4	TC2.1.004.3	GD Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	3	42		
5	TC2.1.005.3	GD Thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	3	42		
6	TC2.1.006.3	GD Thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2	43		
7	TC2.1.007.3	GD Thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	3	42		
8	TC2.1.018.3	GD Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3	3	42		
9	TC2.1.020.3	GD Thể chất 2 (Bơi lội 1)	3	4	41		
10	TC2.1.025.3	GD Thể chất 2- (Pickleball 1)	3	2	43		
		Tự chọn nhóm 2 *(1* x *2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:*					
11	TC2.1.008.2	GD Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2	0	30		
12	TC2.1.009.2	GD Thể chất 3	2	0	30		

		(Bóng bàn 2)					
13	TC2.1.010.2	GD Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2	0	30		
14	TC2.1.011.2	GD Thể chất 3 (Cầu lông 2)	2	0	30		
15	TC2.1.012.2	GD Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2	28		
16	TC2.1.013.2	GD Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	2	28		
17	TC2.1.019.2	GD Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2	0	30		
18	TC2.1.030.2	GD Thể chất 3 (Bơi lội 2)	2	0	30		
19	TC2.1.026.2	GD Thể chất 3 (Pickleball 2)	2	0	30		
D2		**Giáo dục Quốc phòng - An ninh**					
1	QP.2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1	3	37	8		
2	QP.2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2	2	22	8	QP.2.1.014.3	
3	QP.2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3	2	14	16	QP.2.1.015.2	
4	QP.2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4	2	4	56	QP.2.1.016.2	

12. Phân bổ chương trình đào tạo theo năm học, học kỳ

Mã học phần	***Tên học phần***	***Số tín chỉ***	***HP điều kiện tiên quyết***	***HP học trước***	***Đơn vị quản lý học phần***
Học kỳ 1 *(bao gồm 16 TC, trong đó 14 TC bắt buộc, 02 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
Bắt buộc		***16***			
TI2.1.501.2	Nhập môn công nghệ số, tín học và ứng dụng AI	2			Bộ môn Tin học
	Giáo dục thể chất 1	2*			TT TDTT

NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3			Bộ môn Ngoại ngữ
KT2.1.077.2	Đại cương về quản trị kinh doanh	2			Khoa kinh tế
VD2.1.130.2	Lịch sử văn minh thế giới	2			Bộ môn Du lịch
VD2.1.257.3	Nhập môn du lịch	3			Bộ môn Du lịch
TL2.1.410.2	Tâm lý học du lịch	2			Bộ môn Tâm lý
Tự chọn 2 trong 6 tín chỉ		***2****			
KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương	2			Khoa kinh tế
LL2.1.015.2	Khoa học quản lí đại cương	2			Bộ môn LLCT
TL2.1.001.2	Tâm lí học đại cương	2			Bộ môn Tâm lý
Tổng số		**16 TC**			
Học kỳ 2 *(bao gồm 17 TC, trong đó 17 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
NCKH.01.001.3	Nghiên cứu khoa học	3			
	Giáo dục thể chất 2	3*			TT TDTT
LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin	3			Bộ môn LLCT
VD21.124.2	Luật Du lịch	2			Bộ môn Du lịch
VD2.1.068.2	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2			Bộ môn Du lịch
VD2.1.007.3	Phong tục tập quán, tín ngưỡng và lễ hội VN	3			Bộ môn Du lịch
TN2.1.516.2	Ứng dụng CNTT trong văn hóa du lịch	2	Tin học đại cương		Khoa Sư phạm
VD2.1.210.2	Địa lý du lịch thế giới	2			Bộ môn Du lịch
Tổng số		**17 TC**			
Học kỳ 3 *(bao gồm 18 TC, trong đó 16 TC bắt buộc, 02 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3		T. Anh 1	Bộ môn Ngoại ngữ
LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Triết học Mác - Lênin		Bộ môn LLCT
	Giáo dục thể chất 3	2*			TT TDTT
	Giáo dục quốc phòng và an ninh	9*			TT TDTT

VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			Bộ môn Du lịch
KT2.1.111.3	Kinh tế du lịch	3			Khoa kinh tế
VD2.1.219.3	Địa lí du lịch Việt Nam	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.125.3	Di tích Lịch sử - Văn hóa và danh thắng VN	3	Tiến trình lịch sử Việt Nam		Bộ môn Du lịch
Tự chọn 2 trong 6 tín chỉ		**2***			
KT2.1.114.2	Quản trị văn phòng đại cương	2			Khoa kinh tế
VD2.1.209.2	Thực tế cơ sở ngành	2			Bộ môn Du lịch
VD2.1.223.2	Tổ chức hoạt náo	2			Bộ môn Du lịch
Tổng số		**18 TC**			
Học kỳ 4 *(bao gồm 17 TC, trong đó 13 TC bắt buộc, 04 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3		T. Anh 2	Bộ môn Ngoại ngữ
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	Triết học Mác - Lênin		Bộ môn LLCT
KT2.1.191.2	Khởi nghiệp	2			Khoa kinh tế
KT2.1.112.3	Marketing du lịch	3			Khoa kinh tế
TL2.1.439.3	Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	3			Bộ môn Tâm lý
Tự chọn 4 trong 12 tín chỉ		**4***			
VD2.1.216.2	Văn hóa ẩm thực	2			Bộ môn Du lịch
VD2.1.208.2	Xây dựng sản phẩm du lịch	2			Bộ môn Du lịch
VD2.1.137.2	Du lịch bền vững	2			Bộ môn Du lịch
VD2.1.077.2	Nhiếp ảnh	2			Bộ môn Mĩ thuật
VD2.1.259.2	Thanh nhạc thực hành	2			Bộ môn Âm nhạc
KT2.1.113.2	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2			Khoa kinh tế
Tổng số		**17 TC**			
Học kỳ 5 *(bao gồm 18 TC, trong đó 18 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Kinh tế chính		Bộ môn

			trị Mác - Lênin		LLCT
VD2.1.005.3	Văn hóa du lịch	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.015.3	Điểm tuyến du lịch Việt Nam	3	Địa lý DL VN		Bộ môn Du lịch
VD2.1.038.4	Thực tập 1 (thực tập tổng hợp)	4			Bộ môn Du lịch
VD2.1.212.3	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.016.3	Nghiệp vụ lữ hành	3			Bộ môn Du lịch
Tổng số		**18 TC**			
Học kỳ 6 *(bao gồm 17 TC, trong đó 11 TC bắt buộc, 06 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CNXHKH		Bộ môn LLCT
NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	3	T.Anh 3		Bộ môn Ngoại ngữ
VD2.1.031.3	Tổ chức sự kiện	3			Bộ môn Âm nhạc
VD2.1.017.3	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3			Bộ môn Du lịch
Tự chọn 6 trong 24 tín chỉ		**6***			
VD2.1.214.3	Du lịch sinh thái	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.215.3	Du lịch văn hóa	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.218.3	Du lịch cộng đồng	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.229.3	Văn hóa và kiến trúc	3			Bộ môn Mĩ thuật
VD2.1.238.3	Quản trị du lịch Mice	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.211.3	Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.220.3	Quản trị nguồn nhân lực khách sạn	3			Bộ môn Du lịch
Tổng số		**17**			
Học kỳ 7 *(bao gồm 17 TC, trong đó 11 TC bắt buộc, 06 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng Cộng sản	2			Bộ môn

	Việt Nam				LLCT
VD2.1.237.3	Quản lý điểm đến	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.071.3	Quan hệ công chúng	3			Bộ môn Du lịch
KT2.1.117.3	Quản trị kinh doanh lữ hành	3			Khoa Kinh tế
Tự chọn 6 trong 24 tín chỉ		**6***			
VD2.1.214.3	Du lịch sinh thái	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.215.3	Du lịch văn hóa	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.218.3	Du lịch cộng đồng	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.229.3	Văn hóa và kiến trúc	3			Bộ môn Mĩ thuật
VD2.1.238.3	Quản trị du lịch MICE	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.211.3	Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.220.3	Quản trị nguồn nhân lực khách sạn	3			Bộ môn Du lịch
Tổng số		**17**			
Học kỳ 8 *(bao gồm 10 TC, trong đó 10 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
VD2.1.258.4	Thực tập 2 (thực tập tốt nghiệp)	4			Bộ môn Du lịch
Học phần thay thế KLTN		**6**			
VD2.1.222.3	Quy hoạch du lịch	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.224.3	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3			Bộ môn Du lịch
Khóa luận tốt nghiệp		**6**			
VD2.1.043.6	Khóa luận tốt nghiệp	**6**			Bộ môn Du lịch
Tổng số		**10 TC**			

13. Mô tả các học phần

13.1. Triết học Mác Lênin

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Triết học Mác - Lênin cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản, hệ thống về triết học, triết học Mác - Lênin, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ

nghĩa duy vật lịch sử. Nội dung học phần gồm ba phần chính: những vấn đề chung về triết học và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Thông qua học phần, người học từng bước hình thành thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng duy vật, năng lực tư duy lý luận, khả năng vận dụng tri thức triết học Mác - Lênin để xem xét các vấn đề trong học tập, rèn luyện, đời sống xã hội, hoạt động nghề nghiệp và thực hiện trách nhiệm công dân.

13.2. Kinh tế Chính trị Mác Lênin

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy luật kinh tế của nền sản xuất và nền kinh tế thị trường dưới góc tiếp cận của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Nội dung học phần tập trung vào những vấn đề lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin và vận dụng các nguyên lý đó để phân tích nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, bao gồm các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực vận dụng kiến thức kinh tế chính trị để phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế - xã hội, góp phần phát triển tư duy lý luận và đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

13.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế Chính trị Mác Lênin

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như: Sứ mệnh lịch sứ của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; Những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh các vấn đề lý luận cơ bản, nội dung học phần có liên hệ với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

13.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người. Từ đó, người học có khả năng vận dụng kiến thức lý luận chính trị để xem xét, đánh giá các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn; bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm công dân và thái độ học tập, rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

13.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời, quá trình phát triển, đường lối, chủ trương và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam. Nội dung học phần gồm ba phần chính: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Thông qua học phần, người học biết phân tích, đánh giá những thành tựu, hạn chế, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng; đồng thời góp phần nâng cao nhận thức chính trị, bồi dưỡng ý thức trách nhiệm công dân và phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.

13.6. Pháp luật đại cương

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như: khái niệm, đặc trưng, chức năng, hình thức và bộ máy của nhà nước, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như pháp luật dân sự và tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và tố tụng hành chính, pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Học phần giúp người học vận dụng kiến thức pháp luật để phân tích, giải quyết các tình huống pháp lý trong học tập, nghề nghiệp và đời sống xã hội, đồng thời hình thành ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp.

13.7. Tiếng Anh 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tiếng Anh 1 được thiết kế nhằm củng cố và phát triển năng lực giao tiếp cho người học ở trình độ tiền trung cấp (tương đương tiền B1). Nội dung học phần tập trung trang bị các hệ thống ngữ pháp cơ bản và thiết yếu bao gồm: thì Hiện tại đơn và Hiện tại tiếp diễn để diễn đạt thói quen và hành động đang diễn ra; thì Quá khứ đơn và Quá khứ tiếp diễn để kể lại sự kiện; cấu trúc so sánh (comparatives, superlatives, (not) as…as) để đưa ra nhận xét; và các cấu trúc diễn đạt tương lai như will, may, might, be going to và hiện tại tiếp diễn cho dự đoán và kế hoạch. Thông qua 4 chủ đề thực tiễn: Bản thân và các mối quan hệ xã hội, Câu chuyện và trải nghiệm cá nhân, Du lịch và khám phá, Thế giới nghề nghiệp. Sinh viên được phát triển đồng bộ 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần đặc biệt chú trọng vào khả năng giao tiếp cá nhân, kể chuyện, thảo luận ý kiến và xử lý các tình huống thực tế trong đời sống và công việc. Sau khi hoàn thành, người học không chỉ nắm vững kiến thức ngôn ngữ mà còn nâng cao kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện, làm việc nhóm và sự tự tin khi sử dụng tiếng Anh trong môi trường học tập và giao tiếp quốc tế.

13.8. Tiếng Anh 2

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần Tiếng Anh 2 trang bị cho người học những kiến thức ngôn ngữ ở trình độ trung cấp (tương đương B1). Nội dung học phần tập trung trang bị các hệ thống ngữ pháp then chốt bao gồm: thì Hiện tại hoàn thành để mô tả trải nghiệm; câu

điều kiện loại 1 và 2 cho các tình huống thực tế và giả định; các động từ khuyết thiếu (should, have to, can't) cùng các từ chỉ định lượng (too much/many, enough). Thông qua 4 chủ đề thực tiễn: Tâm trí và cơ thể, Trải nghiệm và rủi ro, Cuộc sống thành thị và Ẩm thực, người học được phát triển đồng bộ 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Đặc biệt, học phần chú trọng vào khả năng tư vấn, thảo luận về lối sống và giải quyết vấn đề trong ngữ cảnh thực tế. Sau khi hoàn thành, người học không chỉ làm chủ được kiến thức ngôn ngữ mà còn hình thành tư duy làm việc nhóm, kỹ năng tự học và sự tự tin trong giao tiếp quốc tế.

13.9. Tiếng Anh 3

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng Anh 3 được thiết kế nhằm củng cố và phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh của người học ở trình độ trung cấp (tương đương B1). Nội dung học phần tập trung mở rộng các điểm ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ quan trọng như: used to để nói về thói quen trong quá khứ; câu bị động; thì Quá khứ hoàn thành; câu trực tiếp - gián tiếp; mệnh đề quan hệ; cùng các cấu trúc -ing/infinitive. Đồng thời, người học được trang bị hệ thống từ vựng theo các chủ đề quen thuộc như mua sắm, thể thao, gia đình, công việc nhà và các mối quan hệ xã hội. Thông qua 4 chủ đề chính: Tiền bạc và mua sắm, Thể thao và sức khỏe, Cuộc sống gia đình, Con người và các mối quan hệ, học phần giúp sinh viên phát triển toàn diện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Bên cạnh đó, người học được rèn luyện khả năng giao tiếp trong các tình huống thực tế như mua sắm, khiếu nại, hỏi - đáp thông tin, viết thư trang trọng và bày tỏ ý kiến cá nhân.

13.10. Nhập môn công nghệ số, tin học và ứng dụng AI

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nhập môn công nghệ số, tin học và ứng dụng AI trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ số, ứng dụng AI trong môi trường học tập và làm việc hiện đại. Nội dung học phần bao gồm: kiến thức chung về máy tính, công nghệ số; kỹ năng sử dụng tin học văn phòng (Word, Excel, PowerPoint), ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ nâng cao năng suất hoạt động của tin học văn phòng, công nghệ số (như Microsoft Copilot, Google Gemini và các công cụ AI tương tự) vào hoạt động nghề nghiệp. Thông qua học phần, người học sẽ có khả năng sử dụng máy tính một cách hiệu quả, an toàn. Vận dụng được các công cụ số hiện đại để hỗ trợ xử lý thông tin, soạn thảo văn bản, phân tích dữ liệu và làm việc nhóm. Học phần nhấn mạnh tính ứng dụng thực tiễn, giúp người học sẵn sàng thích ứng với môi trường làm việc số hiện đại và thông minh.

13.11. Nghiên cứu khoa học

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu và quy trình tổ chức một nghiên cứu khoa học. Nội dung học phần tập trung vào cách xác định vấn đề nghiên cứu, tổng quan tài liệu, xây dựng mô hình/giả thuyết, thiết kế nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu, trình bày kết quả, viết báo cáo khoa học, trích dẫn tài liệu và tuân thủ đạo đức nghiên cứu. Thông qua các bài tập nhóm và bài tập lớn, người học hình thành năng lực làm việc nhóm, tư duy phản biện, trình bày

quan điểm khoa học và vận dụng kiến thức nghiên cứu để giải quyết vấn đề trong học tập và nghề nghiệp.

13.12. Giáo dục khởi nghiệp

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng và ứng dụng về khởi nghiệp, bao gồm: tổng quan về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; quy trình hình thành, đánh giá và lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp; nghiên cứu thị trường và xây dựng mô hình kinh doanh Canvas; lập kế hoạch kinh doanh tích hợp chiến lược marketing, vận hành và tài chính; triển khai và quản trị hoạt động kinh doanh; quản trị tài chính khởi nghiệp; huy động vốn và phát triển dự án. Thông qua học phần rèn luyện cho người học năng lực phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng và trình bày kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh, làm việc nhóm, thuyết trình và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án khởi nghiệp. Học phần bồi dưỡng tư duy khởi nghiệp, tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, ý thức đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và khả năng thích ứng với thách thức trong môi trường nghề nghiệp đa dạng.

13.13. Lịch sử văn minh thế giới

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm văn hóa, văn minh, văn hiến; cơ sở hình thành và những thành tựu tiêu biểu của các nền văn minh lớn trên thế giới từ thời cổ đại đến hiện đại như: văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Nam Á, văn minh Hy Lạp - La Mã, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh thế giới thời cận - hiện đại. Qua học phần, sinh viên có khả năng phân tích những giá trị văn minh nhân loại và vận dụng kiến thức lịch sử, văn hóa thế giới trong hoạt động nghề nghiệp du lịch, đặc biệt trong lĩnh vực hướng dẫn du lịch, thuyết minh và tổ chức các chương trình du lịch văn hóa.

13.14. Kinh tế học đại cương

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần Kinh tế học đại cương trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng về các quy luật vận động cơ bản của nền kinh tế, bao gồm: tổng quan về kinh tế học và các nguyên lý kinh tế cơ bản; quan hệ cung - cầu và cơ chế hình thành giá cả thị trường; lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết sản xuất, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp; mục tiêu và công cụ chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô của chính phủ; hạch toán tổng sản phẩm quốc dân và các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng - đặt trong bối cảnh kinh tế - xã hội đương đại mà người học ngành Tôn giáo học có thể vận dụng để phân tích và lý giải. Thông qua học phần, người học rèn luyện kỹ năng phân tích hành vi kinh tế của các tác nhân trong nền kinh tế, giải thích các hiện tượng kinh tế bằng công cụ định lượng, làm việc nhóm và thuyết trình. Học phần bồi dưỡng thái độ học tập tích cực, tư duy khoa học, ý thức trách nhiệm của công dân với sự phát triển kinh tế của địa phương và đất nước.

13.15. Khoa học quản lý đại cương

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần Khoa học quản lý đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý và khoa học quản lý, bao gồm: khái niệm, bản chất, vai trò của quản lý;

đối tượng, đặc điểm và phương pháp nghiên cứu của khoa học quản lý; chức năng, nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý; cơ cấu tổ chức quản lý; thông tin và quyết định quản lý. Thông qua học phần, sinh viên hình thành tư duy quản lý khoa học, khả năng nhận diện, phân tích các vấn đề quản lý cơ bản và vận dụng kiến thức nền tảng vào quá trình học tập, làm việc trong lĩnh vực dịch vụ.

13.16. Tâm lý học đại cương

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tâm lý học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học với tư cách là một khoa học nghiên cứu đời sống tâm lý con người. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề về hoạt động, giao tiếp và vai trò của chúng đối với sự hình thành, phát triển tâm lý; quá trình hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng; đặc điểm của tình cảm, ý chí và trí nhớ; đồng thời làm rõ bản chất, cấu trúc, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Thông qua học phần, người học có cơ sở khoa học để nhận diện, phân tích và vận dụng các quy luật tâm lý trong học tập, lao động, giao tiếp và hoạt động nghề nghiệp.

13.17. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối Khoa học Xã hội và Nhân văn trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; cung cấp kiến thức nền tảng về khái niệm văn hoá, tiến trình văn hoá Việt Nam, các thành tố và đặc trưng của văn hoá Việt Nam; đồng thời tổ chức hoạt động học tập thực tế nhằm giúp người học quan sát, thu thập thông tin và nhận biết giá trị văn hoá truyền thống, đương đại. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực nhận diện, giải thích các yếu tố văn hoá Việt Nam phục vụ học tập các học phần chuyên ngành du lịch, lữ hành đáp ứng PLO2 của chương trình đào tạo.

13.18. Đại cương về quản trị kinh doanh

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Đại cương về quản trị kinh doanh trang bị cho người học kiến thức nền tảng về kinh doanh, doanh nghiệp và hoạt động quản trị trong môi trường kinh tế thị trường. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề cốt lõi như: nhập môn quản trị kinh doanh; bản chất và phân loại hoạt động kinh doanh, chu kỳ và mô hình kinh doanh; môi trường kinh doanh vĩ mô, vi mô và nội bộ doanh nghiệp cùng các chiến lược quản trị môi trường; vai trò, phân loại và kỹ năng của nhà quản trị, phong cách và nghệ thuật quản trị; quy trình, phân loại và phương pháp ra quyết định quản trị; cấu trúc tổ chức kinh doanh với các hệ thống trực tuyến, chức năng, ma trận và theo nhóm. Thông qua học phần, người học từng bước hình thành tư duy kinh doanh, nhận diện vai trò của nhà quản trị trong doanh nghiệp, rèn luyện kỹ năng phân tích môi trường và ra quyết định, đồng thời xây dựng thái độ học tập nghiêm túc, ý thức tự chủ và tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp cần thiết trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và dịch vụ du lịch.

13.19. Nhập môn du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Nhập môn du lịch cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển của du lịch; vai trò của các chủ thể tham gia và những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động du lịch. Nội dung học phần tập trung vào các hợp phần của hệ thống du lịch, loại hình và sản phẩm du lịch, hoạt động hướng dẫn du lịch, tính thời vụ, các tác động của du lịch đến kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường; đồng thời đề cập đến xu hướng phát triển và triển vọng của ngành du lịch trong tương lai. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực nhận diện, phân tích các vấn đề cơ bản của ngành du lịch, hiểu được mối quan hệ giữa các chủ thể trong hệ thống du lịch và vận dụng kiến thức nền tảng để tiếp cận các học phần chuyên ngành, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

13.20. Tiến trình lịch sử Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tiến trình lịch sử Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay, đồng thời trang bị kỹ năng nhận diện, phân tích các sự kiện, nhân vật và di sản lịch sử tiêu biểu. Nội dung học phần tập trung vào các giai đoạn phát triển chủ yếu của lịch sử Việt Nam; những biến đổi về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội qua các thời kỳ; các sự kiện, nhân vật lịch sử và giá trị di sản lịch sử - văn hóa có ý nghĩa đối với sự phát triển đất nước và hoạt động du lịch. Thông qua học phần, người học phát triển năng lực vận dụng kiến thức lịch sử để phân tích các yếu tố lịch sử, văn hóa ảnh hưởng đến hoạt động du lịch và dịch vụ; nhận diện giá trị của các di sản lịch sử - văn hóa trong khai thác du lịch; hình thành ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử dân tộc, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO2 của chương trình đào tạo.

13.21. Tâm lý học du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học những tri thức cơ bản về Tâm lý học du lịch: Đối tượng, nhiệm vụ, vai trò và các phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học du lịch; Đặc điểm tâm lý nhà cung ứng du lịch; đặc điểm tâm lý du khách, một số hiện tượng và quy luật tâm lý xã hội trong hoạt động du lịch. Qua đó giúp người học hiểu tâm lý du khách để giao tiếp thân thiện, giới thiệu dịch vụ phù hợp, quan sát hành vi nhằm điều chỉnh phục vụ, dự đoán nhu cầu, xử lý tình huống và mâu thuẫn; đồng thời tổ chức hoạt động, quản lý đoàn hiệu quả, thiết kế tour phù hợp, thu thập dữ liệu và cải tiến dịch vụ.

13.22. Ứng dụng CNTT trong Văn hoá - Du lịch

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Học phần Ứng dụng CNTT trong Văn hóa - Du lịch trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý văn hóa và du lịch, ứng dụng AI trong môi trường làm việc hiện đại. Nội dung học phần bao gồm: kiến thức chung về ứng dụng công nghệ số; kỹ năng sử dụng phần mềm công cụ tin học và trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động nghề nghiệp. Học phần nhấn mạnh tính ứng dụng thực tiễn, giúp người học sẵn sàng vận dụng kiến thức vào chuyên ngành, môi trường làm việc số hiện đại và thông minh.

13.23. Phong tục tập quán, tín ngưỡng và lễ hội Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phong tục tập quán, tín ngưỡng và lễ hội trong đời sống tâm linh, tâm lý của người Việt Nam. Sinh viên được tiếp cận, hiểu sâu sắc mối quan hệ giữa phong tục tập quán, lễ hội và tín ngưỡng đối với đời sống xã hội, kinh tế, văn hóa của người Việt. Thông qua các nội dung của ba chương, sinh viên vận dụng được kiến thức, kỹ năng để xác định vai trò của phong tục tập quán, tín ngưỡng, lễ hội đối với phát triển du lịch văn hóa Việt Nam hiện nay, đồng thời tổ chức hoạt động thực hành nhằm phát triển kỹ năng tổ chức, hướng dẫn du khách tại các lễ hội, không gian lễ nghi truyền thống, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn hoạt động du lịch. Học phần cũng giáo dục cho sinh viên ý thức tôn trọng, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, tinh thần trách nhiệm trong công việc và kỹ năng làm việc nhóm.

13.24. Di tích Lịch sử - Văn hóa và danh thắng Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Tiến trình lịch sử Việt Nam

Học phần Di tích lịch sử và danh thắng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về di sản văn hóa Việt Nam, hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, bao gồm nguồn gốc hình thành, đặc điểm, giá trị và các loại hình di tích tiêu biểu. Nội dung học phần tập trung vào các nhóm di tích khảo cổ, di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật và danh lam thắng cảnh; đồng thời làm rõ vai trò của các di tích trong hoạt động văn hóa và phát triển du lịch. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực nhận diện, phân tích, đánh giá giá trị di sản và vận dụng kiến thức vào hoạt động hướng dẫn du lịch, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO2 của chương trình đào tạo.

13.25. Tổ chức hoạt náo

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tổ chức hoạt náo trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức chuyên sâu về vai trò, quy trình và nghệ thuật tổ chức các hoạt động giải trí trong hướng dẫn du lịch. Với thời lượng 45 giờ (trong đó có 15 giờ lý thuyết và 30 giờ thực hành), môn học tập trung rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ thực tế như: thiết kế trò chơi tập thể, điều hành hoạt động theo từng loại địa hình và ứng xử tâm lý linh hoạt với đa dạng đối tượng khách hàng. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có đủ năng lực để tự tin xây dựng và tổ chức thành thạo các chương trình hoạt náo sinh động, góp phần giải tỏa căng thẳng, kết nối tập thể và tạo nên những trải nghiệm giàu cảm xúc cho du khách trong mỗi chuyến đi.

13.26. Thực tế cơ sở ngành

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thực tế cơ sở ngành là đợt học tập thực tế giúp cho sinh viên tiếp cận với hoạt động du lịch nội địa (ba miền Bắc - Miền Trung - miền Nam) hoặc quốc tế. Trực tiếp tham gia trải nghiệm các điểm, tuyến du lịch. Qua đó, hiểu thực trạng các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch liên quan tới chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành.

13.27. Quản trị văn phòng đại cương

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn phòng, hành chính văn phòng, quản trị hành chính văn phòng và các chức năng hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm tra công việc hành chính văn phòng trong doanh nghiệp; trang bị kỹ thuật soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng, nghiệp vụ tổ chức công tác văn thư, quản lý và sử dụng con dấu, tổ chức hội họp, tổ chức chuyến công tác, công tác lưu trữ và hủy bỏ tài liệu lưu trữ, tổ chức công tác lễ tân và đón tiếp khách; trên cơ sở đó hình thành cho người học kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ hành chính văn phòng phù hợp với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp du lịch, dịch vụ, đồng thời rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm, chủ động, trung thực và khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong môi trường hành chính văn phòng.

13.28. Luật Du lịch

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

Học phần Luật Du lịch trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, pháp luật du lịch và các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh du lịch. Thông qua 15 giờ lý thuyết và 30 giờ thực hành, sinh viên được rèn luyện kỹ năng tra cứu văn bản quy phạm pháp luật, phân tích tình huống pháp lý, vận dụng pháp luật trong hoạt động kinh doanh du lịch và soạn thảo các hợp đồng du lịch cơ bản. Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn hoạt động du lịch, đồng thời hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch.

13.29. Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học những tri thức cơ bản về giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du du lịch: Khái niệm giao tiếp du lịch, phân loại giao tiếp trong du lịch, một số mô hình tâm lý giao tiếp trong du lịch, các cơ chế tâm lý phổ biến trong giao tiếp du lịch và kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh du lịch. Qua đó giúp người học phân tích được khái niệm, vài trò, đặc điểm của giao tiếp trong hoạt động du lịch, liệt kê được các hình thức giao tiếp, nhận diện các mô hình giao tiếp cơ bản, lắng nghe chủ động để nắm bắt nhu cầu và diễn biến tâm lý của du khách, trình bày sản phẩm du lịch, dịch vụ một cách hấp dẫn, sử dụng hiệu quả các công cụ phi ngôn ngữ trong kinh doanh du lịch, và xây dựng và rèn luyện kỹ năng ứng sử thông qua các tình huống giả định, góp phần đáp ứng PLO7 của chương trình đào tạo.

13.30. Kinh tế du lịch

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học đại cương

Học phần Kinh tế du lịch cung cấp cho người học nền tảng kiến thức cơ bản và hệ thống về bản chất, lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của ngành du lịch trong bối cảnh kinh tế thị trường. Nội dung học phần bao gồm các khái niệm cốt lõi về du lịch, khách du lịch và sản phẩm du lịch; nhu cầu du lịch, phân loại loại hình và các lĩnh vực kinh doanh du lịch; các điều kiện và nhân tố tác động đến sự phát triển du lịch, đặc biệt là tính thời vụ; lao động và cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch; chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh tế du lịch; hệ thống tổ chức và quản lý ngành du lịch từ cấp quốc tế đến Việt Nam. Thông qua học phần, người học từng bước hình thành năng lực phân tích thị trường du lịch, đánh giá chất lượng và hiệu quả kinh doanh, vận dụng kiến thức kinh tế du lịch vào thực tiễn điều hành dịch vụ du lịch và lữ hành, đồng thời

phát triển ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong phát triển du lịch bền vững của địa phương và đất nước.

13.31. Văn hóa du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm văn hóa du lịch, du lịch văn hoá, văn hoá trong kinh doanh du lịch, văn hoá quản lý; Văn hoá vật thể, phi vật thể trong phát triển du lịch. Văn hóa kinh doanh trong du lịch, văn hoá quản lý trong du lịch, bảo vệ văn hoá trong phát triển du lịch.

13.32. Marketing du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Marketing Du lịch trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng về marketing trong lĩnh vực du lịch, bao gồm: tổng quan về marketing và marketing du lịch, thị trường du lịch, quan hệ cung - cầu; môi trường marketing và quy trình xây dựng kế hoạch marketing của doanh nghiệp du lịch; phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm du lịch; xây dựng chiến lược marketing bao gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến hỗn hợp phù hợp với đặc thù ngành du lịch và dịch vụ lữ hành. Thông qua học phần, người học không chỉ nắm vững lý thuyết mà còn rèn luyện năng lực phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng và triển khai chiến lược marketing thực tiễn cho doanh nghiệp du lịch, đồng thời phát triển tư duy sáng tạo, khả năng khai thác cơ hội thị trường và tinh thần trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh du lịch và lữ hành.

13.33. Địa lý du lịch thế giới

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Địa lý du lịch thế giới cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm địa lý, tài nguyên du lịch, sự phân bố không gian du lịch và các xu hướng phát triển của thị trường du lịch toàn cầu. Nội dung học phần tập trung vào việc nghiên cứu các khu vực, châu lục trên thế giới; phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội, các trung tâm du lịch lớn, tuyến du lịch quốc tế và đặc điểm sản phẩm du lịch tiêu biểu của từng khu vực như châu Á, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ và châu Đại Dương. Thông qua các hoạt động thực hành thiết kế chương trình du lịch, phân tích thị trường, xử lý tình huống nghề nghiệp và xây dựng sản phẩm du lịch quốc tế, người học hình thành và phát triển năng lực khai thác thông tin địa lý, đánh giá điểm đến, thiết kế và tổ chức chương trình du lịch, thích ứng với môi trường kinh doanh du lịch quốc tế, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO2 của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

13.34. Địa lí du lịch Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Địa lý du lịch Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận của địa lý du lịch, các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch và đặc điểm phân bố tài nguyên du lịch. Nội dung học phần tập trung vào việc phân tích tiềm năng, thực trạng phát triển du lịch Việt Nam và đặc điểm của các vùng du lịch trên phạm vi cả nước, bao gồm tài nguyên

du lịch, sản phẩm du lịch đặc trưng, các điểm, tuyến du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực nhận diện, đánh giá tài nguyên, phân tích không gian du lịch, vận dụng kiến thức địa lý để xây dựng sản phẩm, tuyến điểm và tổ chức hoạt động kinh doanh du lịch, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO2 của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

13.35. Quan hệ công chúng

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quan hệ công chúng cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động quan hệ công chúng trong tổ chức và doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa - du lịch. Nội dung học phần tập trung vào các vấn đề nền tảng của quan hệ công chúng như khái niệm, lịch sử phát triển, quy trình thực hiện, các phương tiện truyền thông, quản trị khủng hoảng và quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng điển hình. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực giao tiếp, xây dựng kế hoạch truyền thông, xử lý tình huống và phát triển mối quan hệ nghề nghiệp, góp phần đáp ứng PLO5 của chương trình đào tạo.

13. 36. Văn hóa ẩm thực

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản, đặc trưng về văn hoá ẩm thực, văn hoá ẩm thực của Việt Nam, thế giới và xu hướng phát triển của văn hoá ẩm thực; Nghệ thuật trình bày món ăn và hoạt động ẩm thực phục vụ cho du lịch trong giai đoạn hiện nay; đồng thời tổ chức hoạt động thực hành nhằm giúp người học có kỹ năng xây dựng chương trình du lịch gắn với kinh doanh ẩm thực, khách sạn góp phần đáp ứng yêu cầu PLO4 của chương trình đào tạo.

13.37. Xây dựng sản phẩm du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Xây dựng sản phẩm du lịch trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sản phẩm du lịch, vai trò, đặc điểm, các yếu tố cấu thành, chu kỳ sống và quy trình xây dựng sản phẩm du lịch. Nội dung học phần bao gồm: những vấn đề chung về sản phẩm du lịch; phân loại sản phẩm du lịch; kinh nghiệm trong nước, quốc tế về xây dựng sản phẩm du lịch; các nguyên tắc, yêu cầu và bước xây dựng sản phẩm du lịch. Sau khi học xong, sinh viên có kỹ năng phân tích tài nguyên, nhận diện nhu cầu thị trường, đề xuất ý tưởng, thiết kế và đánh giá sản phẩm du lịch, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO4 của chương trình đào tạo.

13.38. Du lịch bền vững

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Du lịch bền vững trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phát triển bền vững, phát triển du lịch bền vững, mối quan hệ giữa du lịch với kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Nội dung học phần bao gồm: cơ sở lý luận về du lịch bền vững; các chỉ số đánh giá điểm đến như Doxey Irridex, sức chứa du lịch, tiếp thị xanh, độ hấp dẫn điểm du lịch; vai trò của các bên liên quan và lập kế hoạch phát triển du lịch bền vững. Sau khi học xong, sinh viên có kỹ năng phân tích, đánh giá, đề xuất giải pháp phát triển du lịch bền vững, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO8 của chương trình đào tạo.

13.39. Nhiếp ảnh

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Nhiếp ảnh cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về lịch sử nhiếp ảnh, thiết bị chụp ảnh, kỹ thuật sử dụng máy ảnh, nguyên lý ánh sáng, bố cục và phương pháp sáng tạo tác phẩm ảnh. Nội dung học phần tập trung vào kỹ thuật chụp các thể loại ảnh như phong cảnh, chân dung, ảnh sinh hoạt đời thường; phân tích, đánh giá tác phẩm ảnh; đồng thời thực hành xử lý, kết nối và quản lý hình ảnh bằng các phần mềm chỉnh sửa và công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI). Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực sáng tạo, khai thác hình ảnh phục vụ hoạt động truyền thông, quảng bá điểm đến, xây dựng sản phẩm du lịch và tổ chức các hoạt động văn hóa - du lịch, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

13.40. Thanh nhạc thực hành

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Thanh nhạc thực hành cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc, phương pháp sử dụng giọng hát, kiểm soát hơi thở, phát âm và biểu diễn ca khúc. Nội dung học phần tập trung vào việc rèn luyện khả năng sử dụng giọng hát thông qua các bài tập luyện thanh, kỹ thuật lấy hơi, hát cộng minh, chuyển giọng, xử lý ngôn ngữ ca hát tiếng Việt, đồng thời phát triển kỹ năng biểu diễn thông qua tư thế, ngôn ngữ cơ thể, biểu cảm gương mặt và xây dựng phong cách trình diễn. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực sử dụng giọng hát đúng kỹ thuật, thể hiện tác phẩm âm nhạc có tính nghệ thuật, tự tin trong trình diễn và vận dụng kỹ năng thanh nhạc trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến văn hóa, nghệ thuật, giáo dục và tổ chức các chương trình biểu diễn, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

13.41. Thanh toán quốc tế trong du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Thanh toán quốc tế trong du lịch trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thị trường hối đoái và tỷ giá hối đoái trong bối cảnh hội nhập quốc tế; các điều kiện tài chính và tiền tệ trong hợp đồng du lịch quốc tế; các phương thức thanh toán quốc tế phổ biến và cách vận dụng trong kinh doanh du lịch; cùng các phương tiện thanh toán quốc tế thông dụng trong lĩnh vực du lịch. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực phân tích tỷ giá hối đoái, xử lý các tình huống thanh toán thực tế trong kinh doanh du lịch quốc tế, soạn thảo và diễn giải các điều kiện tài chính - tiền tệ trong hợp đồng du lịch quốc tế, từ đó góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO6 của chương trình đào tạo ngành Du lịch.

13.42. Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tiếng Anh trong lĩnh vực du lịch và lữ hành, bao gồm các khái niệm nền tảng về du lịch, các loại hình kinh doanh du lịch, vai trò của công ty lữ hành và sự thay đổi trong nhu cầu du lịch qua các thời kỳ, đáp ứng yêu cầu học tập và công việc trong tương lai. Đồng thời, học phần góp phần hình thành thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, khả năng tự chủ và vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch, góp phần đáp ứng PLO6 của chương trình đào tạo.

13.43. Quản trị cơ sở lưu trú du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản trị cơ sở lưu trú du lịch như khách sạn, resort, nhà nghỉ, homestay và các loại hình lưu trú khác. Nội dung học phần bao gồm tổ chức bộ máy quản lý, quản trị các bộ phận nghiệp vụ, nhân lực, chất lượng dịch vụ, marketing, tài chính và xử lý tình huống trong hoạt động kinh doanh lưu trú. Học phần kết hợp giữa lý thuyết với bài tập thực hành và khảo sát thực tế, góp phần hình thành kỹ năng nghề nghiệp và năng lực quản lý trong lĩnh vực du lịch.

13.44. Tổ chức sự kiện

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tổ chức sự kiện cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nguyên lý, quy trình và phương pháp tổ chức các loại hình sự kiện trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ và hoạt động đối ngoại. Nội dung học phần tập trung vào các vấn đề về khái niệm, đặc điểm, quy trình tổ chức sự kiện; công tác chuẩn bị, xây dựng ban tổ chức, lập kế hoạch, xây dựng kịch bản, tổ chức lễ tân - đối ngoại, điều hành các chương trình hội nghị, hội thảo, hội thi, tiệc chiêu đãi và thực hành triển khai một sự kiện cụ thể. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực lập kế hoạch, tổ chức, điều phối và đánh giá hoạt động sự kiện; vận dụng kỹ năng giao tiếp, lễ tân, làm việc nhóm và xử lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

13.45. Nghiệp vụ lữ hành

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động lữ hành, kinh doanh lữ hành, doanh nghiệp lữ hành, sản phẩm lữ hành, chức năng, vai trò của doanh nghiệp lữ hành; các quy định pháp lý trong việc thành lập doanh nghiệp lữ hành tại Việt Nam; các căn cứ và nguyên tắc tổ chức, đưa doanh nghiệp vào hoạt động; quy trình nghiệp vụ trong việc xây dựng chương trình du lịch, tổ chức định giá và thực hiện các chương trình du lịch; các nghiệp vụ thiết lập quan hệ và hợp tác trong kinh doanh lữ hành; các nguyên lý và cách thức tổ chức các hoạt động marketing, phát triển thị trường khách và hệ thống kênh phân phối của doanh nghiệp lữ hành.

13.46. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ lữ hành

Học phần bao gồm những kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch; những phong cách và đức tính, phẩm chất và năng lực của hướng dẫn viên; phân tích, đánh giá được những yếu tố khách quan cơ bản có tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch; các yêu cầu về xây dựng chương trình tham quan du lịch; chuẩn bị và thiết kế được bài thuyết minh về các điểm du lịch; tổ chức được hoạt động hướng dẫn du lịch và thành thạo các phương pháp hướng dẫn tham quan; xử lí được các tình huống phát sinh trong hoạt động hướng dẫn du lịch; nhận biết được vai trò của hướng dẫn viên du lịch, các vấn đề về du lịch bền vững và giao tiếp đa văn hóa.

13.47. Quản lý điểm đến du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản lí điểm đến trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về điểm đến du lịch, các yếu tố cấu thành điểm đến, công cụ nghiên cứu và phân tích điểm đến, chiến lược phát triển, định vị thương hiệu, tiếp thị, đổi mới trải nghiệm và phát triển du lịch bền vững. Nội dung học phần bao gồm: tổng quan về quản lý điểm đến; công cụ phân tích điểm đến; chiến lược phát triển; xây dựng thương hiệu và tiếp thị; đổi mới trải nghiệm; thực hành du lịch bền vững tại điểm đến. Sau khi học xong, sinh viên có kỹ năng phân tích, đánh giá, đề xuất giải pháp quản lý và phát triển điểm đến, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO3 của chương trình đào tạo.

13.48. Điểm tuyến du lịch Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Địa lý du lịch Việt Nam

Học phần Điểm tuyến du lịch Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống tài nguyên du lịch, các điểm du lịch, tuyến du lịch và vùng du lịch Việt Nam; đặc điểm tự nhiên, lịch sử, văn hóa, kinh tế - xã hội gắn với khai thác và phát triển du lịch. Học phần giúp người học vận dụng kiến thức để khảo sát, phân tích, đánh giá giá trị tài nguyên, điểm đến và tuyến du lịch; xây dựng chương trình du lịch, tổ chức hoạt động học tập thực tế và viết báo cáo học tập thực tế. Thông qua hoạt động thực tế tại các điểm, tuyến du lịch, người học hình thành kỹ năng quan sát, thu thập và xử lý thông tin, làm việc nhóm, giao tiếp nghề nghiệp và ý thức bảo tồn, phát huy giá trị tài nguyên du lịch, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch.

13.49. Quản trị kinh doanh lữ hành

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản trị kinh doanh lữ hành cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về lịch sử hình thành, xu hướng phát triển, vai trò, hệ thống sản phẩm và thị trường khách của kinh doanh lữ hành trên thế giới và ở Việt Nam; cơ cấu tổ chức, quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp lữ hành và mối quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành với các nhà cung cấp dịch vụ du lịch. Trên nền tảng đó, học phần rèn luyện cho người học kỹ năng xây dựng chương trình du lịch trọn gói, xác định giá thành, giá bán, tổ chức xúc tiến hỗn hợp, bán và thực hiện chương trình du lịch, quản lý chất lượng sản phẩm và đánh giá hiệu quả kinh doanh chương trình du lịch theo hệ thống chỉ tiêu cụ thể. Người học đồng thời được rèn luyện năng lực phân tích môi trường, xây dựng chiến lược, chính sách kinh doanh phù hợp cho doanh nghiệp lữ hành và nhận diện xu hướng, giải pháp phát triển kinh doanh lữ hành ở Việt Nam, qua đó hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp đối với sự phát triển du lịch của địa phương, đất nước.

13.50. Du lịch sinh thái

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Du lịch sinh thái cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, đặc điểm, nguyên tắc và xu hướng phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nội dung học phần tập trung vào tiềm năng, tài nguyên du lịch sinh thái; các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái; quy hoạch, thiết kế, quản lý và khai thác các sản phẩm du lịch sinh thái tại Việt Nam, đặc biệt tại khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu vực nông nghiệp và cộng đồng địa phương. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực đánh giá tài nguyên, xây dựng sản phẩm, tổ chức và quản lý hoạt động du lịch sinh thái theo hướng bền vững, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

13.51. Du lịch văn hóa

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Du lịch sinh thái cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc và quá trình hình thành, phát triển của du lịch sinh thái trên thế giới và Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào tài nguyên du lịch sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, các tiêu chí đánh giá, quy hoạch, thiết kế, quản lý và phát triển các loại hình du lịch sinh thái gắn với bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn, vườn quốc gia, nông nghiệp và cộng đồng địa phương. Học phần cũng đề cập đến mối quan hệ giữa du lịch sinh thái với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực đánh giá tài nguyên, xây dựng sản phẩm, tổ chức và quản lý hoạt động du lịch sinh thái, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

13.52. Du lịch cộng đồng

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Du lịch cộng đồng cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phát triển và quản lý du lịch cộng đồng. Nội dung học phần tập trung vào các vấn đề như: tổng quan về du lịch cộng đồng; lợi ích, thách thức và thực tiễn phát triển; các yếu tố tác động đến sự tham gia của cộng đồng; xây dựng, quản lý hoạt động du lịch cộng đồng; phát triển du lịch cộng đồng bền vững và định hướng phát triển trong tương lai. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực phân tích, vận dụng và tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng gắn với khai thác tài nguyên du lịch, bảo tồn giá trị văn hóa địa phương và phát triển du lịch bền vững, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO8 của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

13.53. Tài nguyên du lịch Tây Bắc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tài nguyên du lịch Tây Bắc cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, phân loại và giá trị của tài nguyên du lịch; đồng thời giới thiệu những đặc điểm nổi bật về tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn của vùng Tây Bắc Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ, các dạng tài nguyên tự nhiên, văn hóa tộc người, lễ hội, di tích lịch sử, ẩm thực và tiềm năng phát triển du lịch của khu vực Tây Bắc. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực nhận diện, đánh giá, khai thác và đề xuất giải pháp bảo tồn tài nguyên du lịch theo hướng bền vững; vận dụng kiến thức vào xây dựng sản phẩm, chương trình và tổ chức hoạt động du lịch gắn với đặc điểm địa phương, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

13.54. Văn hóa và kiến trúc

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về văn hóa và kiến trúc: khái niệm, mối quan hệ giữa văn hóa và kiến trúc, các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa và kiến trúc; đặc điểm văn hóa với kiến trúc thế giới và kiến trúc Việt Nam. Giúp người học có kĩ năng tìm hiểu các phong cách kiến trúc, so sánh được sự khác biệt của các nền văn hóa với kiến trúc; biết vận dụng cơ sở lí luận của khoa học vào quá trình kế thừa

và phát huy cá giá trị văn hóa truyền thống trong kiến trúc; có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa và kiến trúc.

13.55. Quản trị Du lịch MICE

Học phần Quản trị Du lịch MICE trang bị cho người học hệ thống kiến thức chuyên sâu và kỹ năng thực tiễn về loại hình du lịch kết hợp hội họp (Meeting), khen thưởng (Incentives), hội nghị (Convention) và triển lãm (Exhibitions). Nội dung học phần tập trung vào quy trình lập kế hoạch chiến lược, thiết kế trải nghiệm, vận hành và quản trị chất lượng dịch vụ cho các sự kiện quy mô lớn, người học sẽ được tiếp cận các công cụ phân tích thị trường, kỹ năng đàm phán, marketing và thúc đẩy sự hợp tác giữa các bên liên quan như nhà hàng, khách sạn và đơn vị vận chuyển. Bên cạnh đó, học phần còn định hướng tư duy đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ hiện đại và thực hành phát triển bền vững nhằm giảm thiểu tác động môi trường, qua đó, sinh viên có đủ năng lực định vị thương hiệu, nâng cao tính cạnh tranh cho các điểm đến MICE, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường du lịch cao cấp toàn cầu.

13.56. Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng - Khách sạn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng - khách sạn cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiệp vụ về tổ chức, vận hành và phục vụ trong các bộ phận chức năng của khách sạn và nhà hàng theo tiêu chuẩn nghề nghiệp hiện hành. Nội dung học phần tập trung vào cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận lễ tân, buồng, bàn, quầy bar và bếp; quy trình phục vụ khách; kỹ thuật thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn; tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm; kỹ năng giao tiếp, phối hợp và xử lý tình huống trong quá trình phục vụ. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực thực hiện các nghiệp vụ phục vụ nhà hàng - khách sạn theo đúng quy trình và tiêu chuẩn chất lượng; vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống nghề nghiệp; phát triển tác phong phục vụ chuyên nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp với khách hàng, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

13.57. Quản trị nguồn nhân lực khách sạn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản trị nguồn nhân lực khách sạn cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và khách sạn. Nội dung học phần tập trung vào các vấn đề trọng tâm như: tổng quan nguồn nhân lực ngành khách sạn; phân tích công việc và tuyển dụng; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; đánh giá hiệu quả công việc và xây dựng chế độ đãi ngộ; quản lý quan hệ lao động; vai trò của nguồn nhân lực trong hoạch định chiến lược và thay đổi tổ chức. Thông qua học phần, người học phát triển năng lực vận dụng thành thạo các nguyên tắc và phương pháp quản trị nguồn nhân lực để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và khách sạn, góp phần đạt chuẩn đầu ra PLO 3 của chương trình đào tạo.

13.58. Thực tập 1 (Thực tập tổng hợp)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Thực tập 1 tạo điều kiện cho người học vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn đã được trang bị trong chương trình đào tạo vào môi trường nghề nghiệp thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh du lịch và dịch vụ. Nội dung học phần tập trung vào khảo sát cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quy trình hoạt động của đơn vị thực tập; tìm hiểu và tham gia thực hành các nghiệp vụ trong lĩnh vực lữ hành như xây dựng chương trình du lịch, điều hành tour, hướng dẫn, marketing, chăm sóc khách hàng và quản trị hoạt động kinh doanh. Thông qua học phần, người học phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thích ứng với môi trường làm việc; đồng thời hình thành ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm nghề nghiệp, khả năng đánh giá và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

13.59. Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp)

Điều kiện tiên quyết: thực tập 1

Học phần Thực tập 2 giúp người học vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng chuyên ngành vào thực tiễn hoạt động kinh doanh du lịch tại các doanh nghiệp, tổ chức lữ hành và cơ sở dịch vụ du lịch. Nội dung học phần tập trung vào khảo sát cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động, công tác quản lý của đơn vị thực tập; thực hành các nghiệp vụ chuyên sâu về xây dựng chương trình du lịch, tổ chức và điều hành tour, hướng dẫn du lịch, xúc tiến du lịch, bán chương trình, quản trị kinh doanh lữ hành và phối hợp với các đối tác cung ứng dịch vụ. Thông qua quá trình thực tập và xây dựng báo cáo chuyên môn, người học phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ nghề nghiệp, kỹ năng tổ chức, điều hành, giao tiếp, quản lý và đánh giá hoạt động kinh doanh lữ hành; đồng thời hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm và khả năng đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

13.60. Quy hoạch du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quy hoạch du lịch cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, nguyên tắc, phương pháp và quy trình lập quy hoạch phát triển du lịch gắn với điều kiện tài nguyên, kinh tế - xã hội và môi trường. Nội dung học phần tập trung vào nghiên cứu tiềm năng, đánh giá tài nguyên du lịch, phân tích thực trạng kinh doanh du lịch, dự báo nhu cầu phát triển, xây dựng định hướng chiến lược, tổ chức thực hiện và đánh giá tác động của các dự án quy hoạch du lịch; đồng thời tìm hiểu quy hoạch phát triển du lịch tại các khu vực biển, miền núi, nông thôn và ven đô. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực điều tra, phân tích, đánh giá nguồn lực du lịch, xây dựng phương án và dự án quy hoạch điểm đến theo hướng bền vững; vận dụng công cụ, phương pháp quy hoạch để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý và phát triển du lịch, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

13.61. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về lý luận, công cụ và quy trình quản trị chiến lược trong

các tổ chức kinh doanh du lịch. Nội dung học phần tập trung vào phân tích môi trường kinh doanh, đánh giá năng lực cạnh tranh, xây dựng và lựa chọn chiến lược, tổ chức thực thi, kiểm soát chiến lược; đồng thời vận dụng các công cụ quản trị hiện đại như phân tích SWOT, ma trận IFE, EFE, QSPM và Thẻ điểm cân bằng trong hoạch định và quản trị hoạt động du lịch. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực tư duy chiến lược, phân tích và giải quyết vấn đề quản trị, xây dựng phương án phát triển tổ chức du lịch, đánh giá hiệu quả hoạt động và thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh. Học phần góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra về năng lực quản lý, hoạch định chính sách và điều hành tổ chức du lịch trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

13.62. Khóa luận Tốt nghiệp

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Khóa luận tốt nghiệp tạo điều kiện cho người học vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng nghiên cứu và kiến thức chuyên ngành để thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học độc lập dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nội dung học phần tập trung vào lựa chọn và xây dựng đề tài nghiên cứu; lập đề cương; tổng quan tài liệu; thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu; vận dụng cơ sở lý luận và thực tiễn để đánh giá vấn đề nghiên cứu, đề xuất giải pháp phù hợp trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ. Thông qua quá trình thực hiện và bảo vệ khóa luận, người học phát triển năng lực nghiên cứu, tư duy phản biện, phân tích và giải quyết vấn đề, khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn để tạo lập các sản phẩm nghiên cứu có giá trị khoa học và thực tiễn; đồng thời hình thành tính tự chủ, trách nhiệm, ý thức liêm chính học thuật và năng lực học tập suốt đời, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

14. Đội ngũ giảng viên giảng dạy

(Ghi chú: Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, bảo đảm tỉ lệ sinh viên/giảng viên theo quy định).

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị tham gia sinh hoạt chuyên môn
A	**GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**					
A1	**Lý luận chính trị**		**11**			
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác Lênin	3	Hứa Đức Hội	Triết học	LLCT
2	LL2.1.041.2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	Hà Thị Thu Trang	Kinh tế chính	LLCT
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Nguyễn Quang Hoài Châu	Triết học	LLCT

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị tham gia sinh hoạt chuyên môn
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Trần Thuý Vân	Chính trị học	LLCT
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Hoàng Thị Trang	LS ĐCSVN	LLCT
6	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	Trần Thảo Nguyên	LHP và HC	LLCT
A2	**Tiếng Anh**					
7	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	Đồng Thị Xuân Dung	Tiếng anh	Ngoại ngữ
8	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	Phạm Thục Anh	Tiếng Anh	Ngoại ngữ
9	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	Bùi Thị Lan	Tiếng Anh	Ngoại ngữ
A3	**Tin học**		**2**			
10	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	Vũ Thanh Bình	CNTT	Tin học
A4	**Nghiên cứu khoa học**		**2**			
11	NCKH.01.001.3	Nghiên cứu khoa học	2	Phạm Thị Huyền Trang	Lịch sử	Du lịch
A5	**Giáo dục khởi nghiệp**		**2**			
12	KT2.1.191.2	Giáo dục khởi nghiệp	2	Đỗ Hải Yến	Kinh tế	Kinh tế
A6	**Khoa học xã hội**					
13	VD2.1.130.2	Lịch sử văn minh thế giới	2	Phạm Thị Huyền Trang	Lịch sử	Du lịch
Tự chọn (Chọn 2 trong 6 tín chỉ)			**2**			
14	KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương	2	Phạm Trung Nghĩa Trần Hương Giang	Kinh tế	Kinh tế
15	LL2.1.015.2	Khoa học quản lí đại cương	2	Nguyễn Mai Chinh	LLCT	LLCT
16	TL2.1.001.2	Tâm lí học đại cương	2	Hà Thị Minh Đức	Tâm lý học	LLCT và

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị tham gia sinh hoạt chuyên môn
						TL
	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH)					
B1	**Kiến thức cơ sở khối ngành**					
17	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Hoàng Thị Thẻ	Văn hóa học	Du lịch
18	KT2.1.077.2	Đại cương về quản trị kinh doanh	2	Nguyễn Thuý Hằng Hoàng Thị Hạnh	Kinh tế	Kinh tế
19	VD2.1.002.3	Nhập môn du lịch	3	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
20	VD2.1.068.2	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2	Phạm Thị Huyền Trang	Lịch sử	Du lịch
21	TL2.1.410.2	Tâm lý học du lịch	2	Hà Thị Minh Đức	Tâm lý học	Tâm lý
22	TN2.1.516.2	Ứng dụng CNTT trong Văn hoá - Du lịch	2	Trần Thị Hồng Dung	Tin học	Tin học
23	VD2.1.007.3	Phong tục tập quán, tín ngưỡng và lễ hội VN	3	Hoàng Thị Thu Dung	Lịch sử	Du lịch
24	VD2.1.125.3	Di tích Lịch sử - Văn hóa và danh thắng VN	3	Phạm Thị Huyền Trang	Lịch sử	Du lịch
Tự chọn (Chọn 2 trong 6 tín chỉ)			**2**			
25	VD2.1.223.2	Tổ chức hoạt náo	2	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
26	VD2.1.209.2	Thực tế cơ sở ngành	2	Nguyễn Thu Hoàn	Địa lý	Du lịch
27	KT2.1.114.2	Quản trị văn phòng đại cương	2	Nguyễn Thuý Hằng Hoàng Anh Đào	Kinh tế	Kinh tế
B2	**Kiến thức ngành**		**26**			
Bắt buộc			**22**			
28	VD21.124.2	Luật Du lịch	2	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị tham gia sinh hoạt chuyên môn
29	TL2.1.065.3	Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	3	Hà Thị Minh Đức	Tâm lý học	LLCT và TL
30	KT2.1.111.3	Kinh tế du lịch	3	Hoàng Thị Hạnh Trần Thị Diên	Kinh tế	Kinh tế
31	VD2.1.005.3	Văn hóa du lịch	3	Nguyễn Thu Hoàn	Địa lý	Du lịch
32	KT2.1.112.3	Marketing du lịch	3	Nguyễn Thuý Hằng Hoàng Thị Hạnh	Kinh tế	Kinh tế
33	VD2.1.210.2	Địa lý du lịch thế giới	2	Nguyễn Thu Hoàn	Địa lý	Du lịch
34	VD2.1.219.3	Địa lí du lịch Việt Nam	3	Quan Thị Dưỡng	Địa lý	Du lịch
35	VD2.1.071.3	Quan hệ công chúng	3	Phạm Thị Huyền Trang	Lịch sử	Du lịch
Tự chọn (Chọn 4 trong 12 tín chỉ)			**4**			
36	VD2.1.216.2	Văn hóa ẩm thực	2	Hoàng Thị Thẻ	Văn hóa học	Du lịch
37	VD2.1.208.2	Xây dựng sản phẩm du lịch	2	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
38	VD2.1.137.2	Du lịch bền vững	2	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
39	VD2.1.077.2	Nhiếp ảnh	2	Bùi Văn Khánh	Mỹ thuật	Mỹ thuật
40	VD2.1.129.2	Thanh nhạc thực hành	2	Hà Thị Thuý Linh	Âm nhạc	Âm nhạc
41	KT2.1.113.2	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	Đỗ Hải Yến Trần Hương Giang	Kinh tế	Kinh tế
Chuyên ngành Quản trị Lữ hành			**36**			
Bắt buộc			**24**			
42	NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành	3	Bùi Thị Lan	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
43	VD2.1.212.3	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch	3	Hoàng Linh Chi	Địa lý	Du lịch

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị tham gia sinh hoạt chuyên môn
44	VD2.1.031.3	Tổ chức sự kiện	3	Hà Thị Thuý Linh	Âm nhạc	Âm nhạc
45	VD2.1.016.3	Nghiệp vụ lữ hành	3	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
46	VD2.1.017.3	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
47	VD2.1.237.3	Quản lý điểm đến	3	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
48	VD2.1.015.3	Điểm tuyến du lịch Việt Nam	3	Hoàng Linh Chi	Địa lý	Du lịch
49	KT2.1.117.3	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	Trần Hương Giang Hoàng Anh Đào	Kinh tế	Kinh tế
Tự chọn (Chọn 12 trong 24 tín chỉ)			**12**			
50	VD2.1.214.3	Du lịch sinh thái	3	Quan Thị Dưỡng	Địa lý	Du lịch
51	VD2.1.215.3	Du lịch văn hóa	3	Hoàng Thị Thẻ	Văn hóa học	Du lịch
52	VD2.1.218.3	Du lịch cộng đồng	3	Phạm Thị Huyền Trang	Lịch sử	Du lịch
53	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	3	Nguyễn Thu Hoàn	Địa lý	Du lịch
54	VD2.1.229.3	Văn hóa và kiến trúc	3	Hà Thu Huyền	Mỹ thuật	Mỹ thuật
55	VD2.1.238.3	Quản trị du lịch Mice	3	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
56	VD2.1.211.3	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng - khách sạn	3	Phạm Thị Huyền Trang	Lịch sử	Du lịch
57	VD2.1.220.3	Quản trị nguồn nhân lực khách sạn	3	Phạm Thị Huyền Trang	Lịch sử	Du lịch
	THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP		**14**			
C1	**Thực tập tổng hợp**					
58	VD2.1.038.4	Thực tập 1 (thực tập tổng hợp)	4	Hoàng Linh Chi	Địa lý	Du lịch
C2	**Thực tập tốt nghiệp**					
59	VD2.1.042.4	Thực tập 2 (thực tập tốt nghiệp)	4	Quan Thị Dưỡng	Địa lý	Du lịch

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị tham gia sinh hoạt chuyên môn
C3	**Học phần thay thế KLTN**					
60	VD2.1.222.3	Quy hoạch du lịch	3	Quan Thị Dưỡng	Địa lý	Du lịch
61	VD2.1.224.3	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	Hoàng Linh Chi	Địa lý	Du lịch
C4	**Khóa luận tốt nghiệp**					
62	VD2.1.043.6	Khóa luận tốt nghiệp	6	Hoàng Linh Chi	Địa lý	Du lịch

15. Cơ sở vật chất thực hiện chương trình đào tạo

- Khoa Văn hóa - Du lịch đã được bố trí 01 phòng làm việc được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, hệ thống điện, điều hòa, quạt, mạng wifi toàn trường… đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiện cứu khoa học của giảng viên.

- Trường Đại học Tân Trào có 45 phòng học tiêu chuẩn, 01 hội trường lớn, 22 phòng thực hành, thí nghiệm trong đó có 02 phòng thực hành bao gồm 01 phòng thực hành máy tính và 01 phòng thực hành kế toán ảo. Các phòng học này đều được trang bị đầy đủ bảng chống lóa, máy chiếu, lắp đặt thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, hệ thống camera giám sát, hệ thống phòng máy tính gắn máy lạnh góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo, các trang thiết bị thường được bổ sung định kỳ. Tại Trung tâm Thông tin - Thư viện của Nhà trường có 03 phòng nghiên cứu tài liệu chuyên sâu - phòng học nhóm, các khu học tập thể, hệ thống wifi một số khu vực trong khuôn viên Nhà trường giúp sinh viên có môi trường tự học và làm việc nhóm tốt hơn, phát huy tối đa hiệu quả của công tác tự học, tự nghiên cứu trong sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường còn có 01 khu thể dục - thể thao với 01 nhà tập thể dục đa năng, sân bóng đá nhân tạo, sân bóng chuyền,…

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy hiện đại đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành.

- Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo đảm bảo phục vụ cho nhu cầu dạy và học thuộc chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành. Nhà trường kết nối Thư viện số dùng chung với hơn 100 thư viện số của các trường Đại học trong cả nước. Website của nhà trường thường xuyên được cập nhật các thông tin.

16. Hướng dẫn thực hiện chương trình

16.1. Quy định chung

- Căn cứ thực hiện chương trình: Luật Giáo dục đại học và các văn bản quy định, hướng dẫn hiện hành.

- Chương trình đào tạo phải được thực hiện theo đúng nội dung đã được duyệt. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên (Khoa/Bộ môn/Trung tâm đề xuất, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường thông qua, Hiệu trưởng ra quyết định);

- Đội ngũ giảng viên thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo phải đảm bảo theo đúng quy định hiện hành và các quy định khác có liên quan của Trường Đại học Tân Trào;

- Các nội dung khác thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Tân Trào và các quy định khác có liên quan.

16.2. Hướng dẫn lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học

Giảng viên lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

16.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Tân Trào và các quy định khác có liên quan.

16.4. Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Tân Trào và các quy định khác có liên quan.